

Số 12/ -ĐA/TU

ĐỀ ÁN

**kết thúc hoạt động đảng bộ các huyện, thành phố; đảng bộ cấp xã;
thành lập đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy Lâm Đồng**

Phần thứ nhất

Sự cần thiết và căn cứ xây dựng Đề án

I. Sự cần thiết

Đề án nhằm tổ chức triển khai, cụ thể hóa thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận, Đề án của Trung ương về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình chính quyền 02 cấp: Sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã; sắp xếp tinh gọn cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Việc lập tổ chức đảng tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính mới theo đúng Điều lệ Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng đối với hệ thống chính trị địa phương. Việc kết thúc hoạt động của đảng bộ cấp huyện, lập đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy làm cho các chủ trương, nghị quyết của Đảng được triển khai từ Trung ương và tỉnh đến cơ sở một cách nhanh chóng, hiệu quả; góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc trong đổi mới phương thức lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện sâu sát của Đảng đối với hệ thống chính trị.

Đề án xác định rõ quan điểm, nguyên tắc, thẩm quyền, nhiệm vụ phải thực hiện, tạo sự thống nhất trong các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo kịp thời, đồng bộ, chất lượng, hiệu quả.

II. Căn cứ xây dựng Đề án

1. Văn bản Trung ương

- Điều lệ Đảng; Quy định số 232-QĐ/TW, ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về thi hành Điều lệ Đảng.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025, Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

- Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Kết luận số 127-KL/TW, ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Kết luận số 137-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề

án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Kết luận số 139-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án Hệ thống tổ chức đảng ở địa phương (*cấp tỉnh và cấp xã*).

- Kế hoạch số 47-KH/BCĐ, ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp.

- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

- Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW, ngày 23/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về thành lập tổ chức đảng tương ứng các đơn vị hành chính ở địa phương và sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã.

2. Văn bản của tỉnh

- Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy khóa XI.

- Kế hoạch số 143-KH/TU, ngày 22/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kế hoạch số 156-KH/TU, ngày 25/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Phần thứ hai

Thực trạng đảng bộ các huyện, thành phố; đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn

I. Đảng bộ huyện, thành phố

Đảng bộ huyện, thành phố là đảng bộ cấp trên cơ sở, là cầu nối giữa Đảng bộ tỉnh với đảng bộ, chi bộ cơ sở (*gọi tắt là cấp cơ sở*); ban chấp hành đảng bộ cấp huyện (*gọi tắt là huyện ủy, thành ủy*) là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội của đảng bộ huyện, thành phố; có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của cấp trên và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với địa phương. Các huyện ủy, thành ủy chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; trước đảng bộ và nhân dân trên địa bàn về tình hình mọi mặt của địa phương và những quyết định của mình.

1. Cơ cấu tổ chức cơ sở đảng, đảng viên

Toàn tỉnh hiện nay có 10 đảng bộ huyện, thành phố trực thuộc Tỉnh ủy (02 đảng bộ thành phố, 08 đảng bộ huyện), cơ cấu tổ chức cơ sở đảng trực thuộc gồm:

1.1. Các đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn.

1.2. Các đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp.

Số lượng tổ chức đảng, đảng viên như sau:

Stt	Tên đảng bộ cấp huyện	Tổng số tổ chức cơ sở đảng		Tổng số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở	Tổng số đảng viên
		Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở		
1	Thành phố Đà Lạt	30	61	342	8.684
2	Thành phố Bảo Lộc	19	53	288	5.226
3	Huyện Lạc Dương	9	29	76	1.437
4	Huyện Đơn Dương	11	36	177	2.742
5	Huyện Đức Trọng	18	28	265	4.983
6	Huyện Lâm Hà	20	27	299	4.653
7	Huyện Di Linh	23	43	321	4.683
8	Huyện Bảo Lâm	15	37	230	3.339
9	Huyện Đạ Huoai	26	44	342	6.119
10	Huyện Đam Rông	10	24	116	1.848
TC	10	181	382	2.456	43.714

2. Ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố (gọi tắt là cấp ủy cấp huyện)

- Cấp ủy cấp huyện do đại hội đảng bộ huyện, thành phố bầu ra. Hội nghị ban chấp hành bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Số lượng cấp ủy, ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Thường trực cấp ủy gồm bí thư, các phó bí thư.

- Cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp huyện thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương¹. Số lượng cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy và các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện cụ thể như sau:

Stt	Tên đảng bộ cấp huyện	Ban chấp hành	Ban thường vụ	Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch HĐND	Chủ tịch UBND (phó BT)	Phó chủ tịch HĐND	Phó chủ tịch UBND
1	Thành phố Đà Lạt	33	11	1	1	PBT kiêm	1	1	2
2	Thành phố Bảo Lộc	36	10	Khuyết	1	PBT kiêm	1	1	3
3	Huyện Lạc Dương	30	9	1	1	Khuyết	1	1	2

¹ Quy định số 202-QĐ/TW ngày 02/8/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp huyện.

4	Huyện Đơn Dương	34	9	1	1	<i>PBT kiêm</i>	1	1	2
5	Huyện Đức Trọng	35	11	1	1	1	1	<i>Khuyết</i>	2
6	Huyện Lâm Hà	39	11	1	1	<i>PBT kiêm</i>	1	1	3
7	Huyện Di Linh	37	11	1	1	<i>Khuyết</i>	1	1	3
8	Huyện Bảo Lâm	33	12	1	1	<i>PBT kiêm</i>	1	1	3
9	Huyện Đạ Huoai	78	17	1	1	<i>PBT kiêm</i>	1	2	4
10	Huyện Đam Rông	31	11	1	1	<i>Khuyết</i>	1	1	2
TC	10	386	112	9	10	01	10	10	26

3. Tổ chức bộ máy

Căn cứ quy định thi hành Điều lệ Đảng, cấp ủy cấp huyện là đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, được thành lập 04 cơ quan tham mưu, giúp việc gồm:

- 3.1. Văn phòng huyện ủy, thành ủy
- 3.2. Ban tổ chức huyện ủy, thành ủy
- 3.3. Ban tuyên giáo và dân vận huyện ủy, thành ủy
- 3.4. Cơ quan ủy ban kiểm tra huyện ủy, thành ủy

Ngoài ra các huyện ủy, thành ủy có 01 đơn vị sự nghiệp: Trung tâm chính trị huyện, thành phố.

4. Số cán bộ, công chức cấp huyện (đến tháng 4/2025) 2.417 người.

Stt	Khối Đảng, MTTQ, đoàn thể	Khối Nhà nước	Tổng cộng
1	540	1.877	2.417

Nhìn chung, các đảng bộ, cấp ủy cấp huyện trực thuộc Tỉnh ủy thời gian qua đã thực hiện đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có nhiều đóng góp đối với toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Nhiều đảng bộ, cấp ủy cấp huyện đã phát huy vai trò, trách nhiệm, có nhiều sáng tạo, đổi mới để lãnh đạo đảng bộ, chính quyền cấp mình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chăm lo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở địa phương; thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

II. Đảng bộ xã, phường, thị trấn

Theo quy định, đảng bộ xã, phường, thị trấn là hạt nhân chính trị ở cơ sở, chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của địa phương và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả; chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, xã phường, thị trấn giàu đẹp, văn minh. Đảng bộ xã có nhiệm vụ: Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng. Lãnh đạo xây dựng đảng bộ và công tác tổ chức, cán bộ. Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Lãnh đạo xây dựng hệ thống chính

trị cơ sở.

1. Đến thời điểm sắp xếp, sáp nhập, toàn tỉnh có 137 đảng bộ xã, phường, trấn; 2.284 chi bộ trực thuộc²; 35.868 đảng viên:

Stt	Huyện ủy, thành ủy	Tổng số TCCSĐ xã, phường, thị trấn	Trong đó		Tổng số đảng viên
			Phường, thị trấn	xã	
1	Thành ủy Đà Lạt	16	12	04	7.036
2	Thành ủy Bảo Lộc	11	06	05	4.056
3	Huyện ủy Lạc Dương	06	01	05	1.037
4	Huyện ủy Đơn Dương	09	02	07	2.277
5	Huyện ủy Đức Trọng	15	01	14	4.109
6	Huyện ủy Lâm Hà	16	02	14	3.517
7	Huyện ủy Di Linh	19	01	18	3.833
8	Huyện ủy Bảo Lâm	14	01	13	2.852
9	Huyện ủy Đạ Huoai	23	05	18	5.903
10	Huyện ủy Đam Rông	08	00	08	1.248
TC	10	137	31	106	35.868

2. Cơ cấu cấp ủy

Đến thời điểm sắp xếp, 137 xã, phường, thị trấn có 1.676 đảng ủy viên; 468 ủy viên ban thường vụ đảng ủy; 136 bí thư đảng ủy (*khuyết 01 bí thư đảng ủy - xã Phước Cát 2, huyện ủy Đạ Huoai*).

Nội dung	Ủy viên ban chấp hành	Ủy viên ban thường vụ	Bí thư
1	2	3	4
Tổng số	1,676	468	136 <i>Khuyết 01 (xã Phước Cát 2, huyện Đạ Huoai)</i>
<i>Trong đó:</i>			
- Phụ nữ	416	85	27
- Dân tộc thiểu số	315	62	11
- Tôn giáo	184	37	4
- Cán bộ tăng cường, luân chuyển	142	122	69
- Bí thư cấp ủy không là người địa phương			106
1. Tuổi đời			
- Dưới 30 tuổi	6	0	0
- Từ 30 đến 40 tuổi	502	63	9

² Chủ yếu gồm các loại hình: Chi bộ thôn, tổ dân phố; chi bộ trạm y tế, chi bộ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, chi bộ công an, quân sự (100% chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn đã giải thể và toàn bộ đảng viên đã chuyển về sinh hoạt tại chi bộ khu dân cư).

- Từ 41 đến 45 tuổi	427	126	27
- Từ 46 đến 50 tuổi	314	120	42
- Từ 51 đến 55 tuổi	231	94	35
- Trên 55 tuổi	196	65	23
2. Trình độ học vấn phổ thông			
- Tiểu học	2	0	0
- Trung học cơ sở	29	0	0
- Trung học phổ thông	1,645	468	136
3. Trình độ chuyên môn			
- Sơ cấp, chưa qua đào tạo	47	40	0
- Trung học chuyên nghiệp	91	5	0
- Đại học, Cao đẳng	1,393	340	98
- Sau đại học	145	83	38
4. Trình độ lý luận chính trị			
- Sơ cấp, chưa qua đào tạo	66	1	0
- Trung cấp	1,413	292	39
- Cao cấp, cử nhân	197	175	97
5. Trình độ quản lý			
- Quản lý kinh tế	9	7	2
- Quản lý nhà nước	1,190	408	128
- Khác	73	18	2

3. Theo quy định Điều lệ Đảng, thi hành Điều lệ Đảng đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn là đảng bộ cấp cơ sở trực thuộc huyện ủy, thành ủy và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác theo Quy định số 127-QĐ/TW, ngày 01/3/2018 của Ban Bí thư Trung ương khóa XII, không thành lập cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy cấp xã.

4. Về biên chế cấp xã: Biên chế cấp xã thực hiện theo định mức quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố. Số cán bộ, công chức hiện có (đến tháng 4/2025) 2.757 người.

5. Đánh giá chung

5.1. Ưu điểm

Trong những năm qua, đảng bộ xã, phường, thị trấn đã nhận thức và xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và các mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, trong đó tổ chức đảng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Nhiều đảng bộ xã, phường, thị trấn đã quán triệt và thực hiện tốt quan điểm phát triển kinh tế là nhiệm

vụ trọng tâm, xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt, kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc ở cơ sở.

Đa số các đảng bộ xã, phường, thị trấn đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt việc tổ chức cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của mình; tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ở cơ sở và ở thôn, tổ dân phố; huy động được nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giúp nhau xoá đói giảm nghèo... ở địa phương.

Công tác xây dựng các chi bộ trực thuộc, tạo nguồn phát triển đảng viên mới được các đảng uỷ quan tâm chỉ đạo và đạt được kết quả tốt, nhất là ở các thôn, tổ dân phố, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đông đồng bào theo đạo và những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên.

5.2. Hạn chế, tồn tại

Việc đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của một số đảng uỷ, chi bộ trực thuộc còn chậm; một số đảng bộ xã, phường có quy mô nhỏ, ít đảng viên, số lượng ban chấp hành, ban thường vụ mỏng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu ở một số đảng bộ còn yếu, chưa đủ sức trực tiếp giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở; trình độ, kiến thức quản trị, lãnh đạo của một số cán bộ cơ sở còn thấp chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Phần thứ ba

Phương án kết thúc hoạt động đảng bộ các huyện, thành phố; đảng bộ cấp xã; thành lập đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh uỷ

I. Quan điểm, nguyên tắc và tổ chức hoạt động

1. Quan điểm, nguyên tắc

- Thực hiện đúng quan điểm của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu lực, hiệu quả. Giữ vững nguyên tắc tổ chức của Đảng; thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị.

- Việc sắp xếp hệ thống tổ chức đảng ở địa phương phải đồng bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp ở địa phương, bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực, tổ chức trung gian; bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, kỷ nguyên mới.

- Việc kết thúc hoạt động và thành lập các tổ chức đảng bảo đảm đúng Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương; thực hiện khoa học, chặt chẽ, thống nhất; thực hiện theo nguyên tắc từ dưới lên; thực hiện sáp nhập cấp xã trước sau đó kết thúc đảng bộ cấp huyện; bảo đảm không bỏ trống quyền lực, không bỏ trống về thời gian, không để ngắt quãng công việc, không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của xã hội, của người dân; không lơ là mất cảnh giác, giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; không làm ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và những năm tiếp theo.

2. Đảng bộ xã, phường

Đảng bộ xã, phường là hạt nhân chính trị; lãnh đạo trực tiếp, toàn diện ở cơ sở

do Tỉnh ủy thành lập; là đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Tỉnh ủy, gồm:

- Các đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc cấp ủy cấp huyện hiện nay đóng trên địa bàn xã, phường.

- Các chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, phường hiện nay.

- Đảng bộ (chi bộ) cơ quan ở đơn vị hành chính cơ sở thành lập mới, trong đó:

+ Đảng bộ (chi bộ) các cơ quan đảng xã, phường (gồm các chi bộ trực thuộc hoặc đảng viên đang công tác ở các cơ quan đảng, cơ quan của hội đồng nhân dân, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường).

+ Đảng bộ (chi bộ) ủy ban nhân dân xã, phường (gồm các chi bộ trực thuộc hoặc đảng viên đang công tác ở các cơ quan chuyên môn, đơn vị của ủy ban nhân dân xã, phường).

- Các đảng bộ, chi bộ khác.

II. Kết thúc hoạt động của đảng bộ các huyện, thành phố

Căn cứ Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quyết định:

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quyết định kết thúc hoạt động của 10 đảng bộ huyện, thành phố trực thuộc Tỉnh ủy, giao ban chấp hành, ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy kết thúc các tổ chức cơ sở đảng thuộc diện sắp xếp; chuyển giao tổ chức đảng, đảng viên theo quy định và thẩm quyền, cụ thể:

Stt	Tên đảng bộ cấp huyện	Tổng số tổ chức cơ sở đảng		Tổng số đảng viên
		Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở	
1	Thành phố Đà Lạt	30	61	8.684
2	Thành phố Bảo Lộc	19	53	5.226
3	Huyện Lạc Dương	9	29	1.437
4	Huyện Đơn Dương	11	36	2.742
5	Huyện Đức Trọng	18	28	4.983
6	Huyện Lâm Hà	20	27	4.653
7	Huyện Di Linh	23	43	4.683
8	Huyện Bảo Lâm	15	37	3.339
9	Huyện Đạ Huoai	26	44	6.119
10	Huyện Đam Rông	10	24	1.848
TC	10	181	382	43.714

2. Kết thúc hoạt động của 137 đảng bộ xã, phường, thị trấn trực thuộc các huyện ủy, thành ủy, chuyển giao về Tỉnh ủy để tiến hành thành lập đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy theo quy định. Giao các huyện ủy, thành ủy ban hành quyết định kết thúc theo quy định và thẩm quyền.

Stt	Huyện ủy, thành ủy	Tổng số đảng bộ xã, phường, thị trấn	Tổng số đảng viên
-----	--------------------	--------------------------------------	-------------------

1	Thành ủy Đà Lạt	16	7.036
2	Thành ủy Bảo Lộc	11	4.056
3	Huyện ủy Lạc Dương	06	1.037
4	Huyện ủy Đơn Dương	09	2.277
5	Huyện ủy Đức Trọng	15	4.109
6	Huyện ủy Lâm Hà	16	3.517
7	Huyện ủy Di Linh	19	3.833
8	Huyện ủy Bảo Lâm	14	2.852
9	Huyện ủy Đà Huoai	23	5.903
10	Huyện ủy Đam Rông	08	1.248
TC	10	137	35.868

3. Thời điểm kết thúc hoạt động của các đảng bộ huyện thành phố; đảng bộ xã phường, thị trấn *từ ngày 01/7/2025*.

4. Về biên chế

4.1. Đối với cấp huyện: Trước mắt giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại xã, phường mới (theo Đề án). Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm cơ bản số lượng biên chế theo quy định.

4.2. Đối với cấp xã: Trước mắt giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức hiện có của cấp xã; số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng hiện có của cấp huyện; số cán bộ cấp tỉnh được điều động về (nếu có) để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tương ứng tại xã, phường mới (theo Đề án). Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm cơ bản số lượng biên chế theo quy định.

III. Thành lập đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy

1. Thẩm quyền thành lập

1.1. Tỉnh ủy quyết định thành lập các đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy.

1.2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, phường.

2. Tên gọi: Lấy theo tên gọi của đơn vị hành chính mới thành lập.

3. Số lượng đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025, Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV; Tỉnh ủy quyết định thành lập 51 đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy trên cơ sở sắp xếp chuyển các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên từ các thành ủy, huyện ủy (*khi kết thúc hoạt động*); các chi bộ trực thuộc các đảng ủy xã, phường, thị trấn (*khi sáp nhập*), cụ thể như sau:

Stt	Tên đảng bộ	Số (dự kiến) tổ chức đảng trực thuộc	Số (dự kiến) đảng viên
1	Thành lập Đảng bộ Phường Xuân Hương - Đà Lạt trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: phường 1, phường 2, phường 3, phường 4, phường 10 thuộc Thành ủy Đà Lạt. Trụ sở: Tại Thành ủy Đà Lạt hiện nay.	133	3.650
2	Thành lập Đảng bộ Phường Cam Ly Đà Lạt trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: phường 5, phường 6 và xã Tà Nung thuộc Thành ủy Đà Lạt. Trụ sở: Tại UBND phường 5 hiện nay.	55	1.358
3	Thành lập Đảng bộ Phường Lâm Viên - Đà Lạt trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: phường 8, phường 9, phường 12 thuộc Thành ủy Đà Lạt. Trụ sở: Tại UBND phường 8 hiện nay.	67	2.255
4	Thành lập Đảng bộ Phường Xuân Trường - Đà Lạt trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: phường 11, và 03 Đảng bộ xã: Xuân Thọ, Xuân Trường, Trạm Hành thuộc Thành ủy Đà Lạt. Trụ sở: Tại UBND phường 11 hiện nay.	44	750
5	Thành lập Đảng bộ Phường Lang Biang - Đà Lạt trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ phường 7 thuộc Thành ủy Đà Lạt và Đảng bộ: thị trấn Lạc Dương, xã Lát thuộc Huyện ủy Lạc Dương. Trụ sở: Tại HU, UBND huyện Lạc Dương hiện nay.	47	860
6	Thành lập Đảng bộ Phường 1 Bảo Lộc trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: phường 1, phường Lộc Phát, xã Lộc Thanh thuộc Thành ủy Bảo Lộc. Trụ sở: Tại UBND thành phố Bảo Lộc hiện nay.	73	1.246
7	Thành lập Đảng bộ Phường 2 Bảo Lộc trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: phường 2, xã Đam Bri thuộc Thành ủy Bảo Lộc; xã Lộc Tân thuộc Huyện ủy Bảo Lâm. Trụ sở: Tại UBND phường 2 và xã Đam B'ri hiện nay.	76	1.747
8	Thành lập Đảng bộ Phường 3 Bảo Lộc trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: phường Lộc Tiến, xã Lộc Châu, xã Đại Lào thuộc Thành ủy Bảo Lộc. Trụ sở: Tại UBND phường Lộc Tiến và xã Lộc Châu hiện nay.	66	819
9	Thành lập Đảng bộ Phường B'Lao trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: phường B'Lao, phường Lộc Sơn, xã Lộc Nga thuộc Thành ủy Bảo Lộc. Trụ sở: Tại UBND phường B'Lao và phường Lộc Sơn hiện nay.	71	1.369
10	Thành lập Đảng bộ Xã Lạc Dương trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Đa Nhim, xã Đa Sar, xã Đa Chais thuộc Huyện ủy Lạc Dương.	30	472

	Trụ sở: Tại UBND xã Dạ Nhím hiện nay.		
11	Thành lập Đảng bộ Xã Đơn Dương trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Thạnh Mỹ, xã Dạ Ròn, xã Tu Tra thuộc Huyện ủy Đơn Dương. Trụ sở: Tại UBND huyện Đơn Dương hiện nay.	55	1.044
12	Thành lập Đảng bộ Xã Ka Đô trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Lạc Lâm, xã Ka Đô thuộc Huyện ủy Đơn Dương. Trụ sở: Tại UBND Ka Đô hiện nay.	30	377
13	Thành lập Đảng bộ Xã Quảng Lập trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Quảng Lập, xã Ka Đơn thuộc Huyện ủy Đơn Dương. Trụ sở: Tại UBND xã Quảng Lập hiện nay.	37	457
14	Thành lập Đảng bộ Xã D'ran trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ xã Lạc Xuân, thị trấn D'ran thuộc Huyện ủy Đơn Dương. Trụ sở: Tại UBND xã Lạc Xuân hiện nay.	51	560
15	Thành lập Đảng bộ Xã Hiệp Thạnh trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Hiệp An, xã Hiệp Thạnh, xã Liên Hiệp thuộc Huyện ủy Đức Trọng. Trụ sở: Tại UBND xã Hiệp Thạnh hiện nay.	41	1.044
16	Thành lập Đảng bộ Xã Đức Trọng trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Liên Nghĩa, xã Phú Hội thuộc Huyện ủy Đức Trọng. Trụ sở: Tại HU, UBND huyện Đức Trọng hiện nay.	88	1.884
17	Thành lập Đảng bộ Xã Tân Hội trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã N'Thôn Hạ, xã Tân Hội, xã Tân Thành thuộc Huyện ủy Đức Trọng. Trụ sở: Tại UBND xã Tân Hội hiện nay.	39	601
18	Thành lập Đảng bộ Xã Ninh Gia trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng Đảng bộ xã Ninh Gia thuộc Huyện ủy Đức Trọng. Trụ sở: Tại UBND xã Ninh Gia hiện nay.	18	251
19	Thành lập Đảng bộ Xã Tà Hine trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Tà Hine, xã Ninh Loan, xã Đà Loan thuộc Huyện ủy Đức Trọng. Trụ sở: Tại UBND xã Tà Hine hiện nay.	38	511
20	Thành lập Đảng bộ Xã Tà Năng trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Tà Năng, xã Đa Quyn thuộc Huyện ủy Đức Trọng. Trụ sở: Tại UBND xã Tà Năng hiện nay.	25	279
21	Thành lập Đảng bộ Xã Đinh Văn Lâm Hà trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Đinh Văn, xã Tân Văn thuộc Huyện ủy Lâm Hà và xã Bình Thạnh thuộc Huyện ủy Đức Trọng.	73	1.398

	Trụ sở: Tại HU, UBND huyện Lâm Hà hiện nay.		
22	Thành lập Đảng bộ Xã Phú Sơn Lâm Hà trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Phú Sơn, xã Đa Đồn thuộc Huyện ủy Lâm Hà. Trụ sở: Tại UBND xã Đa Đồn hiện nay.	38	521
23	Thành lập Đảng bộ Xã Nam Hà Lâm Hà trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Nam Hà, xã Phi Tô thuộc Huyện ủy Lâm Hà. Trụ sở: Tại UBND xã Phi Tô hiện nay.	23	299
24	Thành lập Đảng bộ Xã Nam Ban Lâm Hà trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Nam Ban, xã Đông Thanh, xã Mê Linh, xã Gia Lâm thuộc Huyện ủy Lâm Hà. Trụ sở: Tại UBND thị trấn Nam Ban hiện nay.	55	890
25	Thành lập Đảng bộ Xã Tân Hà Lâm Hà trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Tân Hà, xã Đan Phượng, xã Hoài Đức, xã Liên Hà thuộc Huyện ủy Lâm Hà. Trụ sở: Tại UBND xã Tân Hà hiện nay.	67	933
26	Thành lập Đảng bộ Xã Phúc Thọ Lâm Hà trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Phúc Thọ, xã Tân Thanh thuộc Huyện ủy Lâm Hà. Trụ sở: Tại UBND xã Phúc Thọ hiện nay.	37	483
27	Thành lập Đảng bộ Xã Đam Rông 1 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Phi Liêng, xã Đa K'Nàng thuộc Huyện ủy Đam Rông. Trụ sở: Tại UBND xã Phi Liêng hiện nay.	33	335
28	Thành lập Đảng bộ Xã Đam Rông 2 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Liêng Srônh, xã Rô Men thuộc Huyện ủy Đam Rông. Trụ sở: Tại TTHC huyện Đam Rông hiện nay.	27	413
29	Thành lập Đảng bộ Xã Đam Rông 3 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Đa Rsal, xã Đa M'Rông thuộc Huyện ủy Đam Rông. Trụ sở: Tại UBND xã Đa Rsal hiện nay.	27	367
30	Thành lập Đảng bộ Xã Đam Rông 4 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Đa Tông, xã Đa Long, thuộc Huyện ủy Đam Rông; xã Đưng K'Nớ thuộc Huyện ủy Lạc Dương. Trụ sở: Tại UBND xã Đa Tông hiện nay.	32	396
31	Thành lập Đảng bộ Xã Di Linh trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Di Linh, xã Tân Châu, xã Liên Đàm, xã Gung Ré thuộc Huyện ủy Di Linh. Trụ sở: Tại UBND huyện Di Linh hiện nay.	81	1.632
32	Thành lập Đảng bộ Xã Hòa Ninh trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Đinh Trang Hòa, xã Hòa Ninh, xã Hòa Trung thuộc Huyện ủy Di Linh.	57	666

	Trụ sở: Tại UBND xã Hòa Ninh hiện nay.		
33	Thành lập Đảng bộ Xã Hòa Bắc trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Hòa Bắc, xã Hòa Nam thuộc Huyện ủy Di Linh. Trụ sở: Tại UBND xã Hòa Nam hiện nay.	34	390
34	Thành lập Đảng bộ Xã Đình Trang Thượng trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Đình Trang Thượng, xã Tân Lâm, xã Tân Thượng thuộc Huyện ủy Di Linh. Trụ sở: Tại UBND xã Tân Lâm hiện nay.	35	409
35	Thành lập Đảng bộ Xã Bảo Thuận trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Đình Lạc, xã Bảo Thuận, xã Tân Nghĩa thuộc Huyện ủy Di Linh. Trụ sở: Tại UBND xã Đình Lạc hiện nay.	47	566
36	Thành lập Đảng bộ Xã Sơn Điền trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Gia Bắc, xã Sơn Điền thuộc Huyện ủy Di Linh. Trụ sở: Tại UBND xã Gia Bắc hiện nay.	20	215
37	Thành lập Đảng bộ Xã Gia Hiệp trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Tam Bô, xã Gia Hiệp thuộc Huyện ủy Di Linh. Trụ sở: Tại UBND xã Gia Hiệp hiện nay.	28	335
38	Thành lập Đảng bộ Xã Bảo Lâm 1 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Lộc Thắng, xã Lộc Quảng, xã Lộc Ngãi thuộc Huyện ủy Bảo Lâm. Trụ sở: Tại HU, UBND huyện Bảo Lâm hiện nay.	78	1.150
39	Thành lập Đảng bộ Xã Bảo Lâm 2 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Lộc An, xã Lộc Đức, xã Tân Lạc thuộc Huyện ủy Bảo Lâm. Trụ sở: Tại UBND xã Lộc An hiện nay.	49	576
40	Thành lập Đảng bộ Xã Bảo Lâm 3 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Lộc Thành, xã Lộc Nam thuộc Huyện ủy Bảo Lâm. Trụ sở: Tại UBND xã Lộc Nam hiện nay.	46	526
41	Thành lập Đảng bộ Xã Bảo Lâm 4 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Lộc Phú, xã Lộc Lâm, xã B'Lá thuộc Huyện ủy Bảo Lâm. Trụ sở: Tại UBND xã Lộc Phú hiện nay.	25	385
42	Thành lập Đảng bộ Xã Bảo Lâm 5 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Lộc Bắc, xã Lộc Bảo thuộc Huyện ủy Bảo Lâm. Trụ sở: Tại UBND xã Lộc Bảo hiện nay.	20	308
43	Thành lập Đảng bộ Xã Đa Huoai trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Mađaguôi, xã Mađaguôi, xã Đa Oai thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND huyện Đa Huoai (cũ).	47	735

44	Thành lập Đảng bộ Xã Đa Huoai 2 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Đa M'ri, xã Hà Lâm thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND thị trấn Đa M'ri hiện nay.	34	435
45	Thành lập Đảng bộ Xã Đa Huoai 3 trên cơ sở giữ nguyên trạng xã Bà Gia thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND xã Đoàn Kết (cũ).	17	199
46	Thành lập Đảng bộ Xã Đa Têh trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Đa Têh, xã An Nhơn, xã Đa Lây thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND huyện Đa Huoai (mới).	64	1.449
47	Thành lập Đảng bộ Xã Đa Têh 2 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Quảng Trị, xã Đa Pal, xã Đa Kho thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND xã Triệu Hải (cũ).	40	527
48	Thành lập Đảng bộ Xã Đa Têh 3 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Mỹ Đức, xã Quốc Oai thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND Hà Đông (cũ).	30	354
49	Thành lập Đảng bộ Xã Cát Tiên trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Cát Tiên, xã Quảng Ngãi, xã Nam Ninh thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND huyện Cát Tiên (cũ).	40	765
50	Thành lập Đảng bộ Xã Cát Tiên 2 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: thị trấn Phước Cát, xã Phước Cát 2, xã Đức Phổ thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND xã Đức Phổ hiện nay.	33	543
51	Thành lập Đảng bộ Xã Cát Tiên 3 trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ: xã Tiên Hoàng, xã Đồng Nai Thượng, xã Gia Viễn thuộc Huyện ủy Đa Huoai. Trụ sở: Tại UBND xã Gia Viễn hiện nay.	32	489
TC	51 (09 phường, 42 xã)		

4. Chức năng, nhiệm vụ

Thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Trách nhiệm của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy, thường trực đảng ủy

- Đảng ủy chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; đảng bộ và nhân dân trên địa bàn về tình hình mọi mặt của địa phương và những quyết định của mình.

- Ban thường vụ đảng ủy chịu trách nhiệm trước đảng ủy; Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; đảng bộ và nhân dân trên địa bàn về thực hiện nhiệm vụ được giao và những quyết định của mình. Báo cáo đảng ủy kết quả giải quyết công việc giữa hai kỳ hội nghị đảng ủy; kịp thời báo cáo, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và đảng ủy về những vấn đề nhạy cảm,

phức tạp, đột xuất phát sinh vượt quá thẩm quyền.

- Thường trực đảng ủy chịu trách nhiệm trước đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, trước đảng bộ và Nhân dân trên địa bàn về thực hiện nhiệm vụ được giao; báo cáo thường vụ đảng ủy kết quả giải quyết công việc giữa hai kỳ họp của ban thường vụ đảng ủy, những việc được ban thường vụ đảng ủy ủy quyền và những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, đột xuất phát sinh vượt quá thẩm quyền trong phiên họp gần nhất

6. Số lượng, cơ cấu ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư, dự kiến bố trí chức danh chủ chốt

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

6.1. Ban chấp hành: Từ 27 - 33; trong đó, đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 2 xã (*phường*) hoặc đảng bộ xã không thuộc diện hợp nhất, sáp nhập, thì số lượng tối đa không quá 27; đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 3 xã (*phường*) trở lên, thì số lượng tối đa không quá 33. Cơ cấu: (1) Cơ quan Đảng ủy; (2) Cơ quan chính quyền; (3) Quân sự, Công an; (4) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (*gồm các tổ chức chính trị - xã hội*); (5) Đơn vị sự nghiệp; (6) Doanh nghiệp; (7) Thôn (tổ dân phố).

6.2. Ban thường vụ: Từ 09 - 11. Định hướng cơ cấu, gồm: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch hội đồng nhân dân (*bí thư hoặc phó bí thư thường trực kiêm nhiệm*), chủ tịch ủy ban nhân dân, 1 phó chủ tịch hội đồng nhân dân, 1 phó chủ tịch ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, trưởng ban xây dựng Đảng; chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và cơ cấu khác (*nếu có*) do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định.

6.3. Phó bí thư: 02 (01 phó bí thư thường trực và 01 phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân).

(có Phương án nhân sự bố trí cụ thể riêng theo Kết luận của cấp có thẩm quyền)

7. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy: số lượng, cơ cấu ủy viên (*thực hiện theo Hướng dẫn của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

(có Phương án nhân sự bố trí cụ thể riêng theo Kết luận của cấp có thẩm quyền)

8. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy

- Được lập 03 cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, gồm:

(1) Văn phòng Đảng ủy.

(2) Ban xây dựng Đảng.

(3) Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy.

- Đảng ủy xã, phường nơi có trụ sở Trung tâm Chính trị cấp huyện hiện nay được thành lập Trung tâm Chính trị là đơn vị sự nghiệp của đảng ủy trên cơ sở tiếp nhận Trung tâm Chính trị cấp huyện (sau sắp xếp) chuyển về.

- Số lượng cấp phó chuyên trách của người đứng đầu các cơ quan tham mưu, giúp việc đảng ủy thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Không lập phòng trực thuộc cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy.

- Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo - Dân vận

Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh xây dựng, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt Phương án sử dụng Trung tâm chính trị cấp huyện hiện có theo hướng đặt trực thuộc đảng ủy xã, phường nơi có trụ sở Trung tâm chính trị cấp huyện (cũ) để phục vụ chung công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, công chức xã, phường trong cùng đơn vị hành chính cấp huyện trước sắp xếp; bảo đảm hiệu quả, đáng ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ ở cấp xã theo quy định.

9. Biên chế

- Cơ bản bố trí cán bộ, công chức, viên chức, biên chế cấp huyện, cấp xã hiện nay về cấp xã và tăng cường một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trưởng phòng ban, sở, ngành cấp tỉnh về cấp xã (nếu cần).

- Biên chế cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của đảng ủy cấp xã (mới): Định hướng khoảng 15 - 17 biên chế, ở những nơi có trung tâm chính trị bố trí không quá 20 biên chế. Trước mắt có thể bố trí biên chế nhiều hơn (*bao gồm cán bộ công tác Đảng của huyện, xã hiện có và một số cán bộ, công chức cấp tỉnh*); sau khi hoàn thiện vị trí việc làm, tối đa sau thời gian 05 năm phải thực hiện đúng theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Đối với những đơn vị hành chính cấp xã giữ nguyên không sáp nhập: Cơ quan lãnh đạo thực hiện theo Chỉ thị 45-CT/TW của Bộ Chính trị; bố trí biên chế cán bộ cơ quan tham mưu giúp việc phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế, bảo đảm cân đối chung trong hệ thống chính trị cùng cấp.

10. Trụ sở đảng ủy, thủ tục hành chính của đảng ủy

- Trụ sở đảng ủy được đặt tại trung tâm hành chính xã, phường mới (*theo Đề án*) sau sắp xếp, sáp nhập (*theo quyết định khi thành lập đảng bộ xã, phường mới*).

- Thủ tục hành chính của đảng ủy tại địa chỉ: <https://vanban.lamdong.dcs.vn/splash> (*IDOC, Hệ thống gửi, nhận và xử lý văn bản tỉnh Lâm Đồng*).

11. Thời gian bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025.

Phần thứ tư **Tổ chức thực hiện**

I. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành:

1.1. Quyết định kết thúc hoạt động đảng bộ các huyện, thành phố trực thuộc Tỉnh ủy.

1.2. Quyết định thành lập đảng bộ các xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy.

1.3. Quyết định chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các đảng ủy xã, phường, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1.4. Quyết định chỉ định ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các đảng ủy xã, phường, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Hướng dẫn, thực hiện các thủ tục chuyển giao, tiếp nhận các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; tài liệu nghiệp vụ đảng viên, hồ sơ đảng viên theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

II. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

1. Phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định nhân sự cấp ủy và nhân sự ủy ban

kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các đảng ủy xã, phường, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ, xây dựng Quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra các đảng ủy xã, phường theo quy định.

III. Ban Nội chính Tỉnh ủy

Phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định nhân sự cấp ủy và nhân sự ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các đảng ủy xã, phường, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

IV. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Định hướng, cung cấp thông tin cho các cơ quan truyền thông, quán triệt, tuyên truyền sâu, rộng trong hệ thống chính trị và Nhân dân.

V. Văn phòng Tỉnh ủy

- Triển khai Phương án đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ các thủ tục hành chính của Đảng, phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên 3.0 đối với các đảng ủy xã, phường mới.

- Phối hợp Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí tài chính, tài sản, cơ sở vật chất để bộ máy của các đảng ủy xã, phường đi vào hoạt động ổn định ngay sau khi có quyết định.

- Hướng dẫn thực hiện các nội dung tài chính, ngân sách, tài sản theo Luật Ngân sách Nhà nước, các quy định pháp luật có liên quan của các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy xã, phường, thị trấn trước khi kết thúc hoạt động.

VI. Ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực huyện ủy, thành ủy

- Ban hành quyết định kết thúc hoạt động đảng bộ xã, phường, thị trấn và các tổ chức cơ sở đảng thuộc diện sắp xếp cùng với thời gian kết thúc hoạt động đảng bộ huyện, thành phố đồng bộ với thời điểm thành lập và hoạt động của các đảng bộ cấp xã mới theo quy định và thẩm quyền.

- Thực hiện việc bàn giao tài liệu, hồ sơ, con dấu, cơ sở vật chất theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Chuyển giao tổ chức cơ sở đảng không thuộc diện kết thúc hoạt động về trực thuộc đảng ủy xã, phường theo địa chỉ nơi có trụ sở làm việc, hoạt động.

- Chuyển giao tài liệu liên quan đến công tác nghiệp vụ đảng viên; hồ sơ đảng viên; phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên 3.0 theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn về các đảng bộ xã, phường theo quyết định thành lập để quản lý theo quy định.

- Chuyển sinh hoạt đảng cho các đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các tổ chức cơ sở đảng về các đảng bộ, chi bộ xã, phường, cơ quan, đơn vị trước khi kết thúc hoạt động.

- Thực hiện các nội dung tài chính, ngân sách, tài sản theo Luật Ngân sách Nhà nước, các quy định pháp luật có liên quan của trước khi kết thúc hoạt động.

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị đại hội đảng bộ xã, phường nhiệm kỳ 2025 - 2030.

VII. Ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực đảng ủy xã, phường (mới)

1. Xây dựng Quy chế làm việc, chương trình công tác, tập trung lãnh đạo, chỉ

đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng theo quy định.

2. Chuẩn bị các nội dung, điều kiện đảm bảo và tổ chức thành công đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy.

3. Thành lập cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy; tiếp nhận, sắp xếp, kiện toàn, thành lập tổ chức đảng trực thuộc theo thẩm quyền và theo quy định; tiếp nhận, quản lý, cập nhập, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên 3.0 theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

4. Lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc tiếp tục thực hiện ngay các nhiệm vụ theo đúng chức năng, loại hình.

5. Phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường theo quy định.

6. Thực hiện các nội dung tài chính, ngân sách, tài sản theo Luật Ngân sách Nhà nước, các quy định pháp luật có liên quan.

VIII. Trách nhiệm của đảng ủy xã, phường, thị trấn (trước khi sắp xếp)

- Thực hiện bàn giao tổ chức đảng, đảng viên theo quy định.
- Thực hiện các nội dung tài chính, ngân sách, tài sản theo Luật Ngân sách Nhà nước, các quy định pháp luật có liên quan.
- Thực hiện chuyển giao tài liệu, hồ sơ, con dấu ... theo quy định.
- Phối hợp xây dựng dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ xã, phường (mới), nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

Trên đây là Đề án kết thúc hoạt động đảng bộ các huyện, thành phố và thành lập các đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy, trong quá trình tổ chức, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để kịp thời hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Tòa án nhân dân tỉnh,
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,
- Các Huyện ủy, Thành ủy,
- Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Phạm Thị Phúc